

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/KDTM-ST
Ngày 27-12-2019
V/v tranh chấp hợp đồng sửa chữa tàu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng sửa chữa tàu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty PR; địa chỉ trụ sở: Thị trấn Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc Chiến, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty PR (Giấy ủy quyền số 1620/GUQ-PR ngày 23 tháng 9 năm 2019); có mặt.

- Bị đơn: Công ty NV; địa chỉ trụ sở: Số 60 đường L, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2019, văn bản số 0567/PR-NS ngày 05 tháng 4 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Công ty PR do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2003 đến năm 2006 Nhà máy PR (nay là Công ty PR) và Công ty N (nay là Công ty NV đã ký các hợp đồng sửa chữa tàu sau:

Hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003 với nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Nhà máy PR nhận sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo theo các hạng mục đã được hai bên thống nhất tại dự toán sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003 với giá trị sửa chữa bao gồm cả thuế giá trị gia tăng theo dự toán là 1.321.270.097 đồng, giá chính thức của hợp đồng là quyết toán sửa chữa được hai bên ký duyệt trên cơ sở Nệm thu khối lượng thực tế do kỹ thuật hai bên ký xác nhận, thời gian sửa chữa là 42 ngày; hình thức thanh toán là Công ty N phải tạm ứng cho Nhà máy PR ngay khi bắt đầu vào sửa chữa bằng 30% số tiền trong dự toán, ấn định là 396.000.000 đồng, Công ty N phải tiếp tục trả cho Nhà máy PR cho đến khi bàn giao tàu không dưới 70% số tiền theo dự toán, số tiền còn lại theo quyết toán Công ty N phải thanh toán 01 lần trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bàn giao tàu, nếu trả chậm quá thời hạn trên thì phải chịu thêm lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Thực hiện hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD Công ty N mới tạm ứng số tiền là 256.797.850 đồng, Nhà máy PR đã thực hiện việc sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” theo các hạng mục trong dự toán sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003 và thời gian sửa chữa theo thỏa thuận trong hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003. Ngày 12 tháng 7 năm 2003 Nhà máy PR và Công ty N đã ký quyết toán sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 03/43-03-KD với giá trị sửa chữa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.382.146.446 đồng và Nệm thu bàn giao số 14/43-03-KD đồng thời bàn giao tàu cho Công ty N nhưng Công ty N không thanh toán trả tiền sửa chữa tàu cho Nhà máy PR. Nay Công ty N (nay là Công ty NV) còn nợ Nhà máy PR (nay là Công ty PR) số tiền của hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003 là 1.125.348.596 đồng.

Hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004 với nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Nhà máy PR nhận sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo theo các hạng mục đã được hai bên thống nhất tại dự toán sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004 với giá trị sửa chữa bao gồm cả thuế giá trị gia tăng theo dự toán là 555.631.481 đồng, giá chính thức của hợp đồng là quyết toán sửa chữa được hai bên ký duyệt trong vòng 20 ngày sau ngày bàn giao tàu, thời gian sửa chữa là 15 ngày; hình thức thanh toán là Công ty N phải trả cho Nhà máy PR cho đến khi bàn giao tàu không dưới 50% số tiền theo dự toán, số tiền còn lại theo quyết toán Công ty N phải thanh toán 01 lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bàn giao tàu, nếu quá 30 ngày thì Công ty N phải chịu thêm lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Ngày 15 tháng 3 năm 2004 Nhà máy PR và Công ty N ký hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD và dự toán bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02B/12-04-KD với giá trị sửa chữa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo dự toán là 219.751.397 đồng. Thực hiện hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004 và hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004 Nhà máy PR đã thực hiện việc sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” theo các hạng mục trong dự toán sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004, dự toán bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004 và thời

gian sửa chữa theo thỏa thuận trong hợp đồng sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo” số 02/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004. Ngày 22 tháng 3 năm 2004 Nhà máy PR và Công ty N đã ký quyết toán sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 03/12-04-KD với giá trị sửa chữa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 807.949.518 đồng và Nộp thu bàn giao số 07/12-04-KD bàn giao tàu Trần Hưng Đạo cho Công ty N nhưng Công ty N mới thanh toán trả cho Nhà máy PR số tiền là 500.000.000 đồng. Nay Công ty N (nay là Công ty NV) còn nợ Nhà máy PR (nay là Công ty PR) số tiền của hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004 và hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004 là 307.949.518 đồng.

Hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004 với nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Nhà máy PR nhận sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 theo các hạng mục đã được hai bên thống nhất tại dự toán giá trị sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 02B/24-04-KD ngày 24 tháng 3 năm 2004 với giá trị sửa chữa bao gồm cả thuế giá trị gia tăng theo dự toán là 385.673.008 đồng, giá chính thức của hợp đồng là quyết toán sửa chữa được hai bên ký duyệt trong vòng 20 ngày sau ngày bàn giao tàu; thời gian sửa chữa là 08 ngày đối với tàu TC81, thời gian sửa chữa đối với các tàu TH02+TH04+TH06 là 06 ngày; hình thức thanh toán là Công ty N phải trả cho Nhà máy PR ngay khi bàn giao tàu không dưới 50% số tiền trong dự toán, số tiền còn lại theo quyết toán Công ty N phải thanh toán 01 lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bàn giao tàu, nếu quá 30 ngày thì Công ty N phải chịu thanh toán thêm lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Ngày 11 tháng 5 năm 2004 Nhà máy PR và Công ty N ký hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD và dự toán bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 02BS/24-04-KD với tổng giá trị dự toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 295.401.382 đồng, thời gian sửa chữa là 52 ngày, hình thức thanh toán là Công ty N phải trả cho Nhà máy PR số tiền không dưới 50% tổng giá trị dự toán (không dưới 147.000.000 đồng) trước khi tàu rời nhà máy. Thực hiện hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004 và hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004 Nhà máy PR đã thực hiện việc sửa chữa tàu theo đúng các hạng mục trong dự toán giá trị sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 02B/24-04-KD ngày 24 tháng 3 năm 2004, dự toán bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 02BS/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004 và thời gian sửa chữa theo thỏa thuận trong hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004. Ngày 03 tháng 6 năm 2004 Nhà máy PR và Công ty N ký quyết toán giá trị sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 03/24-04-KD với giá trị quyết toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 639.842.714 đồng và Nộp thu bàn giao số 12/24-04-KD bàn giao tàu TC81+TH02+TH04+TH06 cho Công ty N nhưng Công ty N không thanh toán tiền sửa chữa tàu cho Nhà máy PR. Nay Công ty N (nay là Công ty NV) còn nợ Nhà máy PR (nay là Công ty PR) số tiền của hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004

và hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004 là 639.842.714 đồng.

Hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/36-04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004 với nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Nhà máy PR nhận sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo theo các hạng mục đã được hai bên thống nhất tại dự toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/36-04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004 với giá trị dự toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 113.184.495 đồng, giá chính thức của hợp đồng là quyết toán sửa chữa được hai bên ký duyệt trong vòng 20 ngày sau ngày bàn giao tàu; thời gian sửa chữa là 35 ngày; hình thức thanh toán là Công ty N phải trả cho Nhà máy PR ngay khi bàn giao tàu không dưới 50% số tiền trong dự toán, số tiền còn lại theo quyết toán Công ty N phải thanh toán 01 lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bàn giao tàu, nếu quá 30 ngày Công ty N phải chịu thanh toán thêm lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Thực hiện hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/36-04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004 Nhà máy PR đã thực hiện việc sửa chữa tàu theo đúng các hạng mục trong dự toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/36-04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004 và thời gian sửa chữa theo thỏa thuận trong hợp đồng sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo” số 01/36-04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004. Ngày 25 tháng 6 năm 2004 Nhà máy PR và Công ty N ký quyết toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” với giá trị quyết toán là 253.894.147 đồng và Nệm thu bàn giao số 12/36-04-KD bàn giao tàu cho Công ty N nhưng Công ty N không thanh toán số tiền sửa chữa tàu cho Nhà máy PR. Nay Công ty N (nay là Công ty NV) còn nợ Nhà máy PR (nay là Công ty PR) số tiền của hợp đồng sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo” số 01/36-04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004 là 253.894.147 đồng.

Ngày 25 tháng 6 năm 2004 Nhà máy PR và Công ty N ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tàu “Trần Hưng Đạo” số 01DV/36-04-KD với nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Nhà máy PR cung cấp các dịch vụ cho Công ty N bao gồm: Cầu tàu để tàu Trần Hưng Đạo cập lưu lại 85 ngày sau khi kết thúc sửa chữa, trực cứu hỏa người và thiết bị, cấp điện sinh hoạt, đặt thùng rác và xử lý rác; thời gian cung cấp dịch vụ là 84 ngày kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2004 đến ngày 16 tháng 9 năm 2004; giá trị hợp đồng cung cấp dịch vụ là 100.000.000 đồng; hình thức thanh toán là Công ty N phải trả cho Nhà máy PR 01 lần số tiền theo quyết toán ngay sau khi bàn giao tàu. Ngày 17 tháng 9 năm 2004 Nhà máy PR và Công ty N ký quyết toán dịch vụ sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02DV/36-04-KD với giá trị quyết toán dịch vụ bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 96.319.650 đồng nhưng Công ty N không thanh toán trả số tiền dịch vụ cho Nhà máy PR. Nay Công ty N (nay là Công ty NV) còn nợ Nhà máy PR (nay là Công ty PR) số tiền của hợp đồng cung cấp dịch vụ tàu “Trần Hưng Đạo” số 01DV/36-04-KD ngày 25 tháng 6 năm 2004 là 96.319.650 đồng.

Hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004 với nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Nhà máy PR nhận sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo theo các hạng mục đã được hai bên thống nhất tại dự toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004 với giá trị dự toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 395.684.049 đồng, giá chính thức của hợp đồng là quyết toán sửa chữa được hai bên ký duyệt trong vòng 20 ngày

sau ngày bàn giao tàu; thời gian sửa chữa là 20 ngày; hình thức thanh toán là Công ty N phải trả cho Nhà máy PR ngay khi bàn giao tàu không dưới 50% số tiền trong dự toán, số tiền còn lại theo quyết toán Công ty N phải thanh toán 01 lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bàn giao tàu, nếu quá 30 ngày Công ty N phải chịu thanh toán thêm lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Thực hiện hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004 Nhà máy PR đã thực hiện việc sửa chữa tàu theo đúng các hạng mục trong dự toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004 và thời gian sửa chữa theo thỏa thuận trong hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004. Ngày 16 tháng 02 năm 2005 Nhà máy PR và Công ty N ký quyết toán sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo số 03/88-04-KD với giá trị quyết toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 440.090.903 đồng và Nệm thu bàn giao số 12/88-04-KD bàn giao tàu cho Công ty N nhưng Công ty N không thanh toán trả số tiền sửa chữa tàu cho Nhà máy PR. Nay Công ty N (nay là Công ty NV) còn nợ Nhà máy PR (nay là Công ty PR) số tiền của hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004 là 440.090.903 đồng.

Hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 với nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Công ty PR nhận sửa chữa tàu Trần Hưng Đạo theo các hạng mục đã được hai bên thống nhất tại dự toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 với giá trị dự toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 406.698.314 đồng; thời gian sửa chữa là 19 ngày; hình thức thanh toán là Công ty N phải trả cho Công ty PR cho đến khi bàn giao tàu không dưới 50% số tiền theo dự toán (ấn định là 200.000.000 đồng), số tiền còn lại theo quyết toán Công ty N phải thanh toán 01 lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bàn giao tàu, nếu quá 30 ngày Công ty N phải chịu thanh toán thêm lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Thực hiện hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 Công ty N đã tạm ứng số tiền là 100.000.000 đồng cho Công ty PR, Công ty PR đã thực hiện việc sửa chữa tàu theo đúng các hạng mục trong dự toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 02/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 và thời gian sửa chữa theo thỏa thuận trong hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006. Ngày 04 tháng 3 năm 2006 Công ty PR và Công ty N ký quyết toán giá trị sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 03/11-06-KD với giá trị sửa chữa tàu bao gồm thuế giá trị gia tăng là 433.527.410 đồng và Nệm thu bàn giao số 11/11-06-KD bàn giao tàu cho Công ty N nhưng Công ty N không thanh toán trả số tiền sửa chữa tàu còn lại sau khi đã trừ đi số tiền tạm ứng là 100.000.000 đồng cho Công ty PR. Nay Công ty N (nay là Công ty NV) còn nợ Công ty PR số tiền của hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 là 333.527.410 đồng.

Khi Công ty NV không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số tiền sửa chữa tàu của các hợp đồng sửa chữa tàu nêu trên thì từ năm 2013 đến năm 2017 Công ty PR đã nhiều lần có công văn yêu cầu Công ty NV phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số tiền sửa chữa tàu và hai bên đã có thư xác nhận công nợ vào năm 2014 nhưng từ năm 2017 đến nay Công ty PR không liên lạc được với Công ty NV.

Hiện nay Công ty NV còn nợ Công ty PR tổng số tiền sửa chữa tàu của các hợp đồng sửa chữa tàu nêu trên là 3.196.972.938 đồng. Nay Công ty PR yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty NV phải thanh toán trả cho Công ty PR số tiền nợ của các hợp đồng sửa chữa tàu nêu trên là 3.196.972.938 đồng. Công ty PR không yêu cầu Công ty NV phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả.

Bị đơn là Công ty NV có trụ sở chính tại số 60 đường L, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là Công ty NV do Công ty NV không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở mà nguyên đơn là Công ty PR cung cấp. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty NV vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty PR.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là Công ty NV không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 518, 519, 520, 523, 524 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 117, 513, 514, 515, 518, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty PR, buộc Công ty NV phải trả cho Công ty PR số tiền nợ của các hợp đồng sửa chữa tàu là 3.196.972.938 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty PR cho đến khi thi hành án xong, Công ty NV còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Về án phí: Công ty NV phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty NV có trụ sở chính tại số 60 đường L, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là Công ty NV do Công ty NV không hoạt động tại địa chỉ nơi có trụ sở chính mà nguyên đơn là Công ty PR cung cấp. Tài liệu xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An thể hiện Công ty

NV có đăng ký kinh doanh trụ sở chính tại số 60 đường L, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An và vẫn đang hoạt động. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là Công ty PR đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở của bị đơn là Công ty NV thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở. Việc Công ty NV không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp mà không thông báo công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty NV vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty PR. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty NV.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Công ty PR và Công ty NV là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng dịch vụ sửa chữa tàu, bị đơn là Công ty NV có trụ sở chính tại số 60 đường L, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An nhưng nguyên đơn là Công ty PR lựa chọn Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng là Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết vụ án. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn là Công ty PR yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Công ty NV phải trả cho Công ty PR số tiền nợ của các hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/36/04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004; hợp đồng cung cấp dịch vụ tàu “Trần Hưng Đạo” số 01DV/36-04-KD ngày 25 tháng 6 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 là 3.196.972.938 đồng. Bị đơn là Công ty NV đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty PR. Căn cứ vào các hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004; hợp

đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/36/04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004; hợp đồng cung cấp dịch vụ tàu “Trần Hưng Đạo” số 01DV/36-04-KD ngày 25 tháng 6 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, công bố công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định từ năm 2003 đến năm 2006 Công ty N (nay là Công ty NV) và Nhà máy PR (nay là Công ty PR) đã ký các hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/36/04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004; hợp đồng cung cấp dịch vụ tàu “Trần Hưng Đạo” số 01DV/36-04-KD ngày 25 tháng 6 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006. Xét các hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/36/04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004; hợp đồng cung cấp dịch vụ tàu “Trần Hưng Đạo” số 01DV/36-04-KD ngày 25 tháng 6 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Nhà máy PR và người đại diện hợp pháp của Công ty N là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 131, 521, 522 của Bộ luật Dân sự năm 1995 và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Nhà máy PR và người đại diện hợp pháp của Công ty N là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 122, 518, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 74 của Luật Thương mại năm 2005 và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy các hợp đồng sửa chữa tàu này có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng sửa chữa tàu. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng sửa chữa tàu, Công ty PR đã thực hiện việc sửa chữa tàu theo đúng các hạng mục trong dự toán giá trị sửa chữa tàu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và thời gian sửa chữa theo thỏa thuận trong các hợp đồng sửa chữa tàu. Hai bên đã ký quyết toán giá trị sửa chữa, Nộp thu bản giao, Công ty PR đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đồng thời bàn giao tàu cho Công ty NV nhưng Công ty NV không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền sửa chữa tàu cho Công ty PR

theo thỏa thuận trong các hợp đồng sửa chữa tàu. Khi Công ty NV không thực hiện nghĩa vụ trả tiền sửa chữa tàu thì Công ty PR đã nhiều lần có công văn yêu cầu Công ty NV phải thanh toán trả số tiền sửa chữa tàu còn nợ nhưng Công ty NV vẫn không thanh toán trả. Mặt khác năm 2014 Công ty PR và Công ty NV đã có thư xác nhận công nợ thể hiện Công ty NV còn nợ Công ty PR số tiền là 3.196.972.938 đồng. Do đó Công ty PR yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty NV phải trả số tiền sửa chữa tàu còn nợ của các hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/43-03-KD ngày 20 tháng 5 năm 2003; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/12-04-KD ngày 08 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01B/12-04-KD ngày 15 tháng 3 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01/24-04-KD ngày 31 tháng 3 năm 2004, hợp đồng bổ sung sửa chữa tàu TC81+TH02+TH04+TH06 số 01B/24-04-KD ngày 11 tháng 5 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/36/04-KD ngày 20 tháng 5 năm 2004; hợp đồng cung cấp dịch vụ tàu “Trần Hưng Đạo” số 01DV/36-04-KD ngày 25 tháng 6 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/88-04-KD ngày 26 tháng 12 năm 2004; hợp đồng sửa chữa tàu “Trần Hưng Đạo” số 01/11-06-KD ngày 15 tháng 02 năm 2006 là có căn cứ. Vì vậy căn cứ các điều 523, 526, 527 của Bộ luật Dân sự năm 1995, các điều 520, 523, 524 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty PR, buộc Công ty NV phải trả cho Công ty PR số tiền sửa chữa tàu còn nợ là 3.196.972.938 đồng. Công ty PR không yêu cầu Công ty NV phải trả số tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Công ty PR được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là Công ty NV phải chịu 95.939.459 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty PR số tiền tạm ứng án phí 48.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000540 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 74, Điều 85 Luật Thương mại năm 2005; các điều 131, 521, 522, 523, 526, 527 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 122, 518, 519, 520, 523, 524 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty PR, buộc Công ty NV phải trả cho Công ty PR số tiền sửa chữa tàu còn nợ là 3.196.972.938 đồng (Ba tỷ một trăm chín mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty PR cho đến khi thi hành án xong, Công ty NV còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty NV phải chịu 95.939.459 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty PR số tiền tạm ứng án phí 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000540 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

